TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 797/2018/DS-PT
Ngày: 30/8/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhung

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

2. Ông Phạm Hồng Giảng

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Ông Hồ Văn cảm – Kiểm sát viên.

Ngày 30/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 251/DSPT ngày 11/6/2018 về ‘‘Tranh chấp hợp đồng vay tài sản’’.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 771/2018/DS-ST ngày 27/4/2018 của tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3514/2018/QĐPT-DS ngày 07/8/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Như T**,** sinh năm 1966 (có mặt)
Địa chỉ: 206 đường H, Phường T, Quận I, TP. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Võ Thị L**,** sinh năm 1970 (có mặt)
Địa chỉ: 26/15A đường Đ, Phường M, quận N, TP. Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Vinh H, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: 26/15A đường Đ, Phường M, quận N, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2018 và các lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như T trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa như sau:

Bà có cho bà Võ Thị L vay số tiền 1.280.000.000 đồng với lý do để kinh doanh và dùng để trang trải chi phí sinh hoạt gia đình theo 4 giấy vay tiền:

-Ngày 15/03/2015 là 300.000.000 đồng
-Ngày 22/03/2015 là 300.000.000 đồng
-Ngày 01/03/2016 là 400.000.000 đồng
-Ngày 14/11/2017 là 280.000.000 đồng

Các lần vay tiền đều có ký giấy vay tiền, ngay khi ký hợp đồng vay tiền bà đã giao tiền đầy đủ cho bà L. Từ khi vay tiền đến nay, bà L lẫn trốn và không trả tiền cho bà lần nào, bà đã yêu cầu bà L trả tiền nhưng đến nay bà L vẫn không trả cho bà số tiền 1.280.000.000 đồng. bà L có chồng bà L là ông Nguyễn Vinh H, đây là khoản nợ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Bà T xác nhận đây là số tiền riêng của bà, bà đã ly hôn với ông Lê Thanh A vào năm 2011 theo Quyết định ly hôn số 16/2011/QĐHNGĐ-ST ngày 28/3/2011 của Tòa án nhân dân quận N, Tp. Hồ Chí Minh. Vì vậy, bà yêu cầu bà L, ông H phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền 1.280.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Về thời hạn thanh toán: Bà yêu cầu bà L, ông H trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, bà T tiếp tục yêu cầu Tòa án duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2018/QĐ-BPKCTT ngày 26/4/2018 của Tòa án nhân dân quận N về việc ‘‘Phong tỏa phần tài sản còn lại sau khi cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản của Chi cục Thi hành án dân sự quận N có trị giá là 1.280.000.000đồng đối với tài sản là nhà đất số 26/15A đường Đ, Phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 020800, Số vào sổ cấp GCN: CH00347 ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận N cấp cho ông Nguyễn Vinh H và bà Võ Thị L’’ để đảm bảo thi hành án.

2. Bị đơn bà Võ Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt: Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2018, biên bản hòa giải ngày 13/4/2018 bà L trình bày: bà L xác nhận bà có vay tiền của bà Nguyễn Thị Như T các lần như sau:

- Ngày 15/03/2015 là 300.000.000 đồng
- Ngày 22/03/2015 là 300.000.000 đồng
- Ngày 01/03/2016 là 400.000.000 đồng
- Ngày 14/11/2017 là 280.000.000 đồng

Mục đích vay tiền của bà L là để kinh doanh và trang trải cuộc sống sinh hoạt gia đình. Hàng tháng bà đều có trả lãi cho bà T 90.000.000 đồng mỗi tháng mỗi ngày

góp 3.000.000 đồng. Tổng cộng bà đã trả cho bà T 900.000.000 đồng. Việc trả tiền hàng tháng, góp hàng ngày bà đều đưa trực tiếp cho bà T hoặc con rể bà T là ông N, việc giao nhận chỉ có bà T ghi lại trong sổ sách của bà T, bà không có sổ ký nhận giữa bà và bà T nên không thể nộp cho Tòa án.

Bà và ông Nguyễn Vinh H kết hôn với nhau từ năm 1998, hiện nay vẫn còn quan hệ vợ chồng. Được biết bà Nguyễn Thị Như T khởi kiện bà số tiền 1.280.000.000 đồng. Số tiền này không liên quan đến ông H, ông H hoàn toàn không biết, không liên quan, bà cam kết qua tết sẽ trả dần dần cho bà T cho đến khi hết nợ hoặc sẽ trả hết khi bán được nhà.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/4/2018 bà L trình bày: Trước đây bà có vay của bà Nguyễn Thị Như T, sinh năm 1966 số tiền 1.280.000.000 đồng. Số tiền này do bà tự đứng ra vay mượn, chồng bà là ông Nguyễn Vinh H không được biết. Bà vay tiền của bà T để hợp tác với anh bà ở tỉnh Q để kinh doanh vàng bạc dẫn đến thua lỗ và hiện nay bà chưa có khả năng trả nợ cho bà T. Bà xin cam đoan số tiền bà mượn bà T không liên quan đến chồng bà là ông Nguyễn Vinh H và bà hứa sẽ cố gắng làm ăn để trả nợ cho bà T.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Vinh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại bản khai ngày 13/3/2018 ông H trình bày: Vợ ông là bà Võ Thị L có nợ bà Nguyễn Thị Như T số tiền 1.280.000.000 đồng. Vì làm ăn thua lỗ nên không trả đúng hẹn được, số nợ này ông hoàn toàn không biết, đến khi chủ nợ đến nhà tìm kiếm thì ông mới biết được. Ông hoàn toàn không có vay nợ và cũng quen biết bà T.

Tại biên bản hòa giải ngày 13/4/2018 ông H trình bày: Ông và bà Võ Thị L kết hôn với nhau từ năm 1998, hiện nay vẫn còn quan hệ vợ chồng. Được biết bà Nguyễn Thị Như T khởi kiện bà L vợ tôi số tiền 1.280.000.000đồng. Số tiền này ông hoàn toàn không biết, không liên quan

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Được thể hiện đầy đủ trong bài phát biểu số 97PB-DS ngày 27/4/2018. Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia. Về nội dung vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án số 771/2018/DS-ST ngày 27/4/2018 của tòa án nhân dân quận N đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như T:

Buộc bị đơn bà Võ Thị L, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Vinh H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như T số tiền 1.280.000.000đồng (Một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng).

Ghi nhận ý kiến tự nguyện của bà T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nêu trên.

2. Về thời hạn thanh toán: Bà Võ Thị L, ông Nguyễn Vinh H có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm số tiền trên cho bà Nguyễn Thị Như T làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bà Nguyễn Thị Như T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Võ Thị L, ông Nguyễn Vinh H chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bà Võ Thị L, ông Nguyễn Vinh H còn phải trả lãi cho bà Nguyễn Thị Như T theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Tiếp tục duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2018/QĐ-BPKCTT ngày 26/4/2018 của Tòa án nhân dân quận N về việc ‘‘Phong tỏa phần tài sản còn lại sau khi cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản của Chi cục Thi hành án dân sự quận N có trị giá là 1.280.000.000 đồng đối với tài sản là nhà đất số 26/15A đường Đ, phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 020800, Số vào sổ cấp GCN: CH00347 ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận N cấp cho ông Nguyễn Vinh H và bà Võ Thị L’’ để đảm bảo thi hành án.

Ngày 08/5/2018 ông H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 771/2018/DS-ST ngày 27/4/2018 của tòa án nhân dân quận N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H không rút đơn kháng cáo, bà T không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông H trình bày nội dung kháng cáo: Ông không đồng ý trả nợ chung với bà L vì ông không nợ, không biết khoản nợ này nên ông không đồng ý trả nợ chung.

Bà T trình bày: Yêu cầu y bản án sơ thẩm.

Bà L trình bày: Khoản nợ này chỉ mình bà chịu, không liên quan đến ông H nên chỉ mình bà trả nợ.

Tại phần tranh luận:

Ông H trình bày: Việc làm ăn của bà L ông hoàn toàn không biết, do bà L không biết đi xe nên ông thường chở bà L đi giao dịch, còn nội dung làm gì, vay ai, tiền bạc làm ăn như thế nào thì ông không biết. Hiện nay, bà T vay nợ nhiều người, gia đình khó khăn nên ông không có trách nhiệm trả nợ chung.

Bà T trình bày: Khoản nợ 1.289.000.000 đồng bà L vay làm nhiều lần để làm ăn kinh doanh về giày dép, mặc dù bà L ký giấy nợ một mình nhưng khi đi lấy tiền, lấy hàng thì ông H đều biết. Bản thân hai bên làm ăn kinh doanh cùng nhau nhiều năm nên tin

tưởng. Số nợ trên bà cũng vay của người khác cho bà L vay lại nên hiện nay bà cũng rất khó khăn. Đề nghị HĐXX y án sơ thẩm.

Bà L trình bày: Số tiền vay của bà T bà dùng vào làm ăn kinh doanh giày dép. Cửa hàng do bà làm chủ. Mục đích làm ăn có lãi để duy trì cuộc sống gia đình nuôi con cái. Tuy nhiên, do làm ăn bị người khác chiếm dụng vốn nên mất khả năng chi trả. Nay xin trả góp và xin chịu trách nhiệm trả nợ một mình, không liên quan đến ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Toà cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, các đương sự được thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ đơn kháng cáo và thời hạn đóng án phí của ông H trong thời hạn luật định nên có cơ sở xem xét về hình thức.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào các giấy vay nợ có cơ sở xác định số nợ 1.280.000 đồng. Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa phúc thẩm bà L xác nhận vay tiền làm ăn với mục đích kiếm lãi để duy trì cuộc sống gia đình. ông H và bà L đang tồn tại hôn nhân. Do đó trách nhiệm trả nợ ông H phải chịu trách nhiệm chung cùng bà L. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự y án sơ thẩm. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo và thời hạn đóng tạm ứng án phí của ông H làm trong thời hạn luật định nên có cơ sở xem xét về hình thức.

Xét nội dung kháng cáo của ông H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Khoản nợ 1.280.000 đồng của bà L nợ bà T trong thời kỳ hôn nhân giữa ông H và bà L đang tồn tại. Tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm bà L đều khai mục đích của việc vay số tiền trên dùng vào làm ăn buôn bán cửa hàng giày dép lấy lãi để trang trải cuộc sống gia đình. Mặt khác, trong quá trình đi lấy tiền, lấy hàng của bà L trong thời gian dài thì ông H đều biết. Do đó, khoản nợ trên ông H không thể nói là không biết và không có trách nhiệm trả nợ cùng bà L. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình buộc vợ chồng có nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: "nghĩa vụ do vợ chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình". Án sơ thẩm buộc ông H có trách nhiệm trả nợ chung cùng bà L đối với khoản nợ của bà T là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử đồng ý với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nên y án sơ thẩm theo Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đơn kháng cáo của ông H không được chấp nhận nên ông H phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 184; Điều 203; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Vinh H. Y bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như T:

Buộc bị đơn bà Võ Thị L và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Vinh H có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như T số tiền 1.280.000.000đồng (Một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng). Ghi nhận ý kiến tự nguyện của bà T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nêu trên.

2. Về thời hạn thanh toán: Bà Võ Thị L, ông Nguyễn Vinh H có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm số tiền trên cho bà Nguyễn Thị Như T làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Tiếp tục duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2018/QĐ-BPKCTT ngày 26/4/2018 của Tòa án nhân dân quận N về việc ‘‘Phong tỏa phần tài sản còn lại sau khi cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản của Chi cục Thi hành án dân sự quận N có trị giá là 1.280.000.000 đồng đối với tài sản là nhà đất số 26/15A đường Đ, phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 020800, Số vào sổ cấp GCN: CH00347 ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận N cấp cho ông Nguyễn Vinh H và bà Võ Thị L’’ để đảm bảo thi hành án.

Kể từ khi bà Nguyễn Thị Như T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Võ Thị L, ông Nguyễn Vinh H chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bà Võ Thị L, ông Nguyễn Vinh H còn phải trả lãi cho bà Nguyễn Thị Như T theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị L phải nộp 25.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Như T số tiền tạm ứng án phí 25.200.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0004091 ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N.

- Án phí dân sự phúc thẩm: ông H phải nộp 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu số 0004597 ngày 23 tháng 5 năm 2018. ông H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND TC
- TAND CC tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Q. N;
- TAND Q. N;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT (T/20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Nhung